TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST Ngày: 20/8/2019 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hữu Thành**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Nguyễn Văn Trước**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà*: Bà **Dương Thị Ngọc Hương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 210 tổ 13 ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

* Bị đơn: Anh **Lê Đình P**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 210 tổ 13 ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Đăng ký thường trú: Số 144F đường N, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Trần Thị Thanh T và anh Lê Đình P đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2008 tại UBND phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh P thường xuyên uống rượu với bạn bè không quan tâm đến gia đình và

không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, bản thân chị T đã nhiều lần khuyên ngăn anh P để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Trần Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đức A, sinh ngày 26/11/2008. Hiện nay con chung đang chung sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đồng thời không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lê Đức Anh có trình bày trong tờ tường trình đề ngày 14/6/2019, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu Lê Đức Anh có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ cháu là chị Trần Thị Thanh T.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Đình P trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình P không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thanh T với lý do anh P vẫn còn tình cảm với chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đức A, sinh ngày 26/11/2008. Hiện nay con chung đang chung sống cùng với chị T. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đồng thời không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa hôm nay*:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T vẫn bảo lưu ý kiến của mình.

- Bị đơn anh Lê Đình P vắng mặt không có lý do.

* *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Đình P.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đức A, sinh ngày 26/11/2008 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Án phí: Chị Trần Thị Thanh T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Lê Đình P. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008 qua quen biết tìm hiểu nhau chị Trần Thị Thanh T và anh Lê Đình P đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2008 tại UBND phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lê Đình P chung sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh P thường xuyên uống rượu với bạn bè không quan tâm đến gia đình và không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P là tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa bản thân chị T đã nhiều lần khuyên ngăn anh P để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P không thể hàn gắn được do đó yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Yêu cầu của anh Lê Đình P không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thanh T là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đức A, sinh ngày 26/11/2008. Hiện nay con chung đang chung sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đồng thời không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lê Đức A có trình bày trong tờ tường trình đề ngày 14/6/2019, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu Lê Đức A có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ cháu là chị Trần Thị Thanh T. Do đó cần ghi nhận nguyện vọng của cháu Lê Đức A, giao cháu Lê Đức A cho chị Trần Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Trần Thị Thanh T không yêu cầu anh Lê Đình P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Xét yêu cầu của anh Lê Đình P, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đồng thời không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình P.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đức A, sinh ngày 26/11/2008. Khi ly hôn, giao cháu Lê Đức A cho chị Trần Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời anh Lê Đình P không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Lê Đình P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thanh T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0002218 ngày 14/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Thành